

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 219/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 10 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh một số Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 1269/BC-KTNS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017, Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2019; Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 các nguồn vốn ngân sách địa phương.

1. Tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 điều chỉnh (đợt 6) là: 82.646 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 54.674 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền xổ số kiến thiết: 460 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển: 726 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 26.786 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

2.1. Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

- Điều chỉnh giảm 54.674 triệu đồng của 10 dự án *(các dự án hoàn thành hết nhu cầu sử dụng vốn và các dự án không đạt tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch)*.

- Phân bổ: 54.674 triệu đồng cho 05 dự án đường giao thông đến trung tâm xã đã có khối lượng hoàn thành và giao chuẩn bị đầu tư 02 dự án.

2.2. Nguồn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển

- Điều chỉnh giảm 726 triệu đồng của 01 dự án không đạt tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch và 01 dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn.

- Phân bổ: 726 triệu đồng cho 01 dự án đang triển khai có nhu cầu vốn để đẩy nhanh tiến độ.

2.3. Nguồn thu tiền xổ số kiến thiết

- Điều chỉnh giảm 460 triệu đồng của 01 dự án không đạt tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch.

- Phân bổ: 460 triệu đồng cho 01 dự án đang triển khai có nhu cầu vốn để đẩy nhanh tiến độ.

2.4. Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh

- Điều chỉnh giảm 26.786 triệu đồng của 02 dự án đã được cân đối bố trí bằng nguồn vốn khác.

- Phân bổ: 26.786 triệu đồng cho 13 dự án có nhu cầu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

(có Biểu chi tiết số 01, 01a, 01b, 01c, 01d kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2020.

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020

1.1. Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

- Điều chỉnh giảm 54.674 triệu đồng của 10 dự án không đạt tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch hoặc không còn nhu cầu giải ngân kế hoạch vốn giao.

- Phân bổ: 54.674 triệu đồng cho 05 dự án đường giao thông đến trung tâm xã đã có khối lượng hoàn thành và giao chuẩn bị đầu tư 02 dự án.

1.2. Nguồn vốn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển

- Điều chỉnh giảm 726 triệu đồng của 01 dự án đã hết nhu cầu sử dụng vốn và 01 dự án không đạt tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch.

- Phân bổ: 726 triệu đồng cho 01 dự án đang triển khai có nhu cầu sử dụng vốn để đẩy nhanh tiến độ.

1.3. Nguồn thu tiền xổ số kiến thiết

- Điều chỉnh giảm 460 triệu đồng của 01 dự án không đạt tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch.

- Phân bổ: 460 triệu đồng cho 01 dự án đang triển khai có nhu cầu sử dụng vốn để đẩy nhanh tiến độ.

(có Biểu chi tiết số 02 kèm theo)

2. Phân bổ chi tiết một số nguồn vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công năm 2020

2.1. Phân bổ chi tiết nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh năm 2020 (đợt 3): 116.847 triệu đồng *(có Biểu chi tiết số 03 kèm theo)*.

2.2. Phân bổ kế hoạch vốn nước ngoài năm 2020 phần vốn tỉnh vay lại đối với dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập sử dụng vốn vay WB: 75.408 triệu đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XIV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ 5 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính – Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VPQPPL – Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020				Ghi chú
		Tổng số	Kế hoạch điều chỉnh tổng nguồn			
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch sau điều chỉnh	
	TỔNG SỐ	6.018.828	82.646	82.646	6.018.828	
I	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	4.594.576	54.674	54.674	4.594.576	
II	Nguồn thu tiền xổ số kiến thiết	261.270	460	460	261.270	
III	Ngân sách tỉnh chi đầu tư	150.000	726	726	150.000	
IV	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	1.012.982	26.786	26.786	1.012.982	

Biểu số 01a
BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI
(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 05 năm 2016 - 2020				Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn 05 năm 2016 - 2020	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn trung hạn sau điều chỉnh	
	TỔNG SỐ			9.297.117	521.343	54.674	54.674	521.343	
I	Điều chỉnh giảm			309.360	281.248	54.674	0	226.574	
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xây dựng Trụ sở HĐND-UBND, UBMTTQ Việt Nam và một số sở ngành	UBND thành phố	67 15/01/2017	64.249	53.094	4.980		48.114	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Bắc, khuôn viên, cảnh quan và các công trình phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và Phát triển đô thị tỉnh	396 14/2/2019	83.141	70.000	6.748		63.252	
3	Xây dựng hệ thống Hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ dự án Trụ sở làm việc HĐND - UBND, UBMTTQ và các sở, ngành, tổ chức đoàn thể tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và Phát triển đô thị tỉnh	1744 26/6/2017	70.527	70.000	12.967		57.033	
4	Trung tâm Y tế huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	2564 31/10/2017	16.500	16.500	11.127		5.373	
5	Nhà công vụ Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	1681 02/7/2019	9.793	9.800	3.176		6.624	
6	Dự án Khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	1913 31/10/2019	14.980	14.980	6.339		8.641	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 05 năm 2016 - 2020				Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn 05 năm 2016 - 2020	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn trung hạn sau điều chỉnh	
7	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	2728 31/10/2018	14.529	14.529	219		14.310	
8	Xử lý ngập úng trên Quốc lộ 6 đoạn Km 301 + 980 - Km 302 + 150 (đường Trường Chinh) và cải tạo nâng cấp cống thoát nước tại Km 302 + 061/Quốc lộ 6 địa phận thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD thành phố	2903 31/10/2019	2.845	2.845	1.563		1.282	
9	Trung tâm Y tế thành Phố	Ban QLDA ĐTXD thành phố	2576 31/10/2017	16.500	16.500	1.805		14.695	
10	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị và đất nông nghiệp để thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục đường giao thông số 2A, 2B, 2C khu dân cư OC-01, OC-04 thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Bắc, khuôn viên, cảnh quan và các hạng mục phụ trợ	UBND thành phố	2693 14/10/2019	16.297	13.000	5.750		7.250	
II	Điều chỉnh tăng			8.987.757	240.095	0	54.674	294.769	
1	Quốc lộ 37 - Huy Thượng - Tân Lang, huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2253 21/9/2016	80.024	29.000		6.970	35.970	
2	Đường từ tỉnh lộ 114 (bản Suối Tre), xã Tường Phong - Mường Bang - Mường Do	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2492 24/10/2016	103.867	48.605		16.210	64.815	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 05 năm 2016 - 2020				Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn 05 năm 2016 - 2020	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn trung hạn sau điều chỉnh	
3	Đường giao thông từ xã Huổi Một - Nậm Mẩn	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2364 06/10/2016	101.867	66.109		1.794	67.903	
4	Đường tỉnh 105 đoạn Púng Bính - Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2558 28/10/2016	105.000	50.381		16.210	66.591	
5	Đường giao thông Mường Khoa - Tạ Khoa	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2518 26/10/2016	89.999	46.000		4.990	50.990	
6	Chuẩn bị đầu tư			8.507.000	0	0	8.500	8.500	
-	Trạm cân xử lý vi phạm thuộc đội tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ số 01, phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La	Công an tỉnh Sơn La		7.000			500	500	Giao chuẩn bị đầu tư; bổ sung kế hoạch trung hạn 2016 - 2020
-	Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	Ban Quản lý khu du lịch Quốc gia Mộc Châu		8.500.000			8.000	8.000	Giao chuẩn bị đầu tư; bổ sung kế hoạch trung hạn 2016 - 2020

Biểu số 01b**BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH CHI ĐẦU TƯ***(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 05 năm 2016 - 2020				Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn 05 năm 2016 - 2020	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn trung hạn sau điều chỉnh	
	Tổng số			28.268	22.262	726	726	22.262	
I	Điều chỉnh giảm			18.869	17.862	726	0	17.136	
1	Trụ sở xã Chiềng Khoa	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	1082 24/10/2016	9.399	8.600	543		8.057	
2	Trụ sở xã Huy Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	2607 31/10/2016	9.470	9.262	183		9.079	
II	Điều chỉnh tăng			9.400	4.400	0	726	5.126	
1	Trụ sở xã Tạ Bú, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1862 31/10/2019	9.400	4.400		726	5.126	

Biểu số 01c**BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT***(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 05 năm 2016 - 2020				Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn 05 năm 2016 - 2020	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn trung hạn sau điều chỉnh	
	Tổng số			53.370	13.831	460	460	13.831	
I	Điều chỉnh giảm			3.800	3.131	460	0	2.671	
1	Trạm Y tế xã Huy Tân, huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	3065 24/10/2018	3.800	3.131	460		2.671	
II	Điều chỉnh tăng			49.570	10.700	0	460	11.160	
1	Công trình trường Trung học phổ thông Vân Hồ (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	1944 28/8/2015	49.570	10.700		460	11.160	

Biểu số 01d
BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN
2016-2020 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 05 năm 2016 - 2020				Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn 05 năm 2016 - 2020	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn trung hạn sau điều chỉnh	
	Tổng số			1.836.004	163.734	26.786	26.786	163.734	
I	Điều chỉnh giảm			231.400	155.530	26.786	0	128.744	
1	Dự án Trung tâm thể dục - Thể thao tỉnh Sơn La	Ban Quản lý dân dụng công nghiệp và Phát triển đô thị	1307 07/6/2019; 3128 30/12/2016	126.400	105.530	16.728		88.802	
2	Đường tỉnh 105 đoạn Púng Bánh - Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2558 28/10/2016	105.000	50.000	10.058		39.942	
II	Điều chỉnh tăng			1.604.604	8.204		26.786	34.990	
1	Bố trí, ổn định sắp xếp dân cư bản Hốc, xã Nậm Pấm	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1544 11/8/2017	16.722	1.838		1.897	3.735	
2	Thoát lũ tiểu khu 4 thị trấn Ít Ong	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1585 13/8/2017	9.880	5.500		500	6.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 05 năm 2016 - 2020				Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn 05 năm 2016 - 2020	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn trung hạn sau điều chỉnh	
3	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Lọng Bong, xã Hua Trai, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	2226 18/10/2017	3.880	866		702	1.568	
4	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường bản Nậm Mẩn (trung tâm xã) - bản Huổi Khoang, xã Nậm Mẩn, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	804 27/3/2019	1.500			1.476	1.476	Các dự án bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020
5	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường Trung tâm xã Đứa Mòn - Bản Ngam Trạng, xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	805 27/3/2019	2.000			1.969	1.969	
6	Khắc phục hậu quả mưa đường QL4G - bản Kỳ Ninh, xã Mường Sai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	806 27/3/2019	350			350	350	
7	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường Nà Hạ - Mường Hung (đoạn từ Km 11 đến Km 26), huyện Sông Mã (nay là đường Huổi Một - Mường Hung)	UBND huyện Sông Mã	802 27/3/2019	200			197	197	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Giai đoạn 05 năm 2016 - 2020				Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn 05 năm 2016 - 2020	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn trung hạn sau điều chỉnh	
8	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường Mường Cai, Mường Lạn, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	803 27/3/2019	300			295	295	Các dự án bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020
9	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường từ bản Pịn đến bản Nong Xô, xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	807 27/3/2019	350			347	347	
10	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường từ bản Mạ Mẩu, đến bản Háng Xía, xã Pú Bâu, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	808 27/3/2019	500			497	497	
11	Đường từ Ngọc Chiến huyện Mường La đến Mù Cang Chải (<i>trong địa phận huyện Mường La</i>)	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1560 17/7/2015	13.058			556	556	
12	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa Sơn La	Sở Y tế tỉnh Sơn La	2832 01/11/2017	1.500.000			10.000	10.000	
13	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Bệnh viện Đa khoa Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2737 25/10/2017	55.864			8.000	8.000	

Biểu số 02
BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CÁC NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2020						Kế hoạch điều chỉnh			Ghi chú
			Số, Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	TĐ: Số vốn đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa giải ngân			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số	Số vốn đề nghị tiếp tục giải ngân	Số vốn đề nghị thu hồi				
	Tổng số			9.397.554	897.554	437.080	319.723	185.495	93.728	51%	91.766	35.814	55.952	55.860	55.860	185.495	
A	Kế hoạch vốn chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020			18.799	18.799	4.400	4.400	4.955	4.512	91%	443		443	443	443	4.955	
I	Nguồn ngân sách tỉnh chi đầu tư			18.799	18.799	4.400	4.400	4.955	4.512	91%	443		443	443	443	4.955	
a	Điều chỉnh giảm			9.399	9.399			555	112	20%	443		443	443		112	
*	Các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp			9.399	9.399			555	112	20%	443		443	443		112	
1	Trụ sở xã Chiềng Khoa	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	1082 24/10/2016	9.399	9.399			555	112	20%	443		443	443		112	
b	Điều chỉnh tăng			9.400	9.400	4.400	4.400	4.400	4.400	100%					443	4.843	
1	Trụ sở xã Tạ Bú, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1862 31/10/2019	9.400	9.400	4.400	4.400	4.400	4.400	100%					443	4.843	
B	Kế hoạch vốn năm 2020			9.378.755	878.755	432.680	315.323	180.539	89.216	49%	91.323	35.814	55.509	55.417	55.417	180.539	
I	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh			9.297.117	797.117	409.640	283.285	163.762	82.974	51%	80.788	26.114	54.674	54.674	54.674	163.762	
a	Điều chỉnh giảm			309.360	309.360	21.946	29.500	107.881	27.093	25%	80.788	26.114	54.674	54.674		53.207	
*	Các dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn giao			66.671	66.671	21.946	29.500	43.885	19.212	44%	24.673	4.209	20.464	20.464		23.421	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2020						Kế hoạch điều chỉnh			Ghi chú
			Số, Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	TĐ: Số vốn đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa giải ngân			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số	Số vốn đề nghị tiếp tục giải ngân	Số vốn đề nghị thu hồi				
1	Trung tâm Y tế huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	2564 31/10/2017	16.500	16.500			11.587		0%	11.587	460	11.127	11.127		460	
2	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	2728 31/10/2018	14.529	14.529			8.929	5.012	56%	3.917	3.698	219	219		8.710	
3	Xử lý ngập úng trên Quốc lộ 6 đoạn Km 301 + 980 - Km 302 + 150 (đường Trường Chinh) và cải tạo nâng cấp công thoát nước tại Km 302 + 061 Quốc Lộ 6 địa phận thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD thành phố	2903 31/10/2019	2.845	2.845			2.845	1.282	45%	1.563		1.563	1.563		1.282	
4	Trung tâm Y tế thành phố	Ban QLDA ĐTXD thành phố	2576 31/10/2017	16.500	16.500	14.696	16.500	7.524	5.668	75%	1.856	51	1.805	1.805		5.719	
5	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị và đất nông nghiệp để thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục đường giao thông số 2A, 2B, 2C khu dân cư OC - 01, OC - 04 thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Bắc, khuôn viên, cảnh quan và các hạng mục phụ trợ	UBND thành phố	2693 14/10/2019	16.297	16.297	7.250	13.000	13.000	7.250	56%	5.750		5.750	5.750		7.250	
*	Các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp			242.689	242.689	0	0	63.996	7.881	12%	56.115	21.905	34.210	34.210	0	29.786	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2020					Kế hoạch điều chỉnh			Ghi chú	
			Số, Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	TĐ: Số vốn đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa giải ngân			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số	Số vốn đề nghị tiếp tục giải ngân	Số vốn đề nghị thu hồi				
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xây dựng Trụ sở HĐND - UBND, UBMTTQ Việt Nam và một số sở ngành	UBND thành phố	67 15/01/2017	64.249	64.249			8.452	152	2%	8.300	3.320	4.980	4.980		3.472	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Bắc, khuôn viên, cảnh quan và các công trình phụ trợ	Ban QLKV Phát triển đô thị tỉnh	396 14/2/2019	83.141	83.141			13.000	1.753	13%	11.247	4.499	6.748	6.748		6.252	
3	Xây dựng hệ thống Hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ dự án Trụ sở làm việc HĐND - UBND, UBMTTQ và các sở, ngành, tổ chức đoàn thể tỉnh Sơn La	Ban QLKV Phát triển đô thị tỉnh	1744 26/6/2017	70.527	70.527			22.988	2.277	10%	20.711	7.743	12.967	12.967		10.021	
4	Nhà công vụ Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	1681 02/7/2019	9.793	9.793			5.293		0%	5.293	2.117	3.176	3.176		2.117	
5	Dự án Khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	1913 31/10/2019	14.980	14.980			14.263	3.698	26%	10.565	4.226	6.339	6.339		7.924	
b	Điều chỉnh tăng			8.987.757	487.757	387.694	253.785	55.881	55.881	100%					54.674	110.555	
*	Các dự án đường giao thông đến trung tâm xã			480.757	480.757	377.744	243.785	55.881	55.881	100%					46.174	102.055	
1	Quốc lộ 37 - Huy Thượng - Tân Lang, huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2253 21/9/2016	80.024	80.024	47.919	29.000	4.000	4.000	100%					6.970	10.970	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2020					Kế hoạch điều chỉnh			Ghi chú	
			Số, Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	TD: Số vốn đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa giải ngân			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số	Số vốn đề nghị tiếp tục giải ngân	Số vốn đề nghị thu hồi				
2	Đường từ tỉnh lộ 114 (bản Suối Tre), xã Tường Phong - Mường Bang - Mường Do	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2492 24/10/2016	103.867	103.867	98.088	49.338	5.262	5.262	100%					16.210	21.472	
3	Đường giao thông từ xã Huổi Một - Nậm Mẩn	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2364 06/10/2016	101.867	101.867	70.975	66.109	18.801	18.801	100%					1.794	20.595	
4	Đường tỉnh 105 đoạn Púng Bính - Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2558 28/10/2016	105.000	105.000	97.220	49.338	15.578	15.578	100%					16.210	31.788	
5	Đường giao thông Mường Khoa - Tạ Khoa	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2518 26/10/2016	89.999	89.999	63.542	50.000	12.240	12.240	100%					4.990	17.230	
*	Chuẩn bị đầu tư			8.507.000	7.000	9.950	10.000								8.500	8.500	
1	Trạm cân xử lý vi phạm thuộc đội tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ số 01, phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La	Công an tỉnh Sơn La		7.000	7.000										500	500	
2	Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	BQL Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu		8.500.000		9.950	10.000								8,000	8,000	
II	Nguồn xố số kiến thiết			53.370	53.370	18.640	27.638	12.070	1.831	15%	10.239	9.687	552	460	460	12.070	
a	Điều chỉnh giảm			3.800	3.800	0	0	1.370	450	33%	920	368	552	460	0	910	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch năm 2020					Kế hoạch điều chỉnh			Ghi chú	
			Số, Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	TĐ: Số vốn đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Số vốn còn lại chưa giải ngân			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số	Số vốn đề nghị tiếp tục giải ngân	Số vốn đề nghị thu hồi				
*	Các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp			3.800	3.800	0	0	1.370	450	0	920	368	552	460	0	910	
1	Trạm Y tế xã Huy Tân, huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	3065 24/10/2018	3.800	3.800			1.370	450	33%	920	368	552	460		910	
b	Điều chỉnh tăng			49.570	49.570	18.640	27.638	10.700	1.381	13%	9.319	9.319	0	0	460	11.160	
1	Công trình: Trường trung học phổ thông Vân Hồ (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	1944 28/8/2015	49.570	49.570	18.640	27.638	10.700	1.381	13%	9.319	9.319			460	11.160	
III	Nguồn vốn Ngân sách tỉnh chi đầu tư				28.268	28.268	4.400	4.400	4.707	4.411	94%	296	13	283	283	4.707	
a	Điều chỉnh giảm			18.869	18.869			307	11	0	296	13	283	283		24	
*	Các dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn giao			9.470	9.470			207	11	0	196	13	183	183		24	
1	Trụ sở xã Huy Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	2607 31/10/2016	9.470	9.470			207	11	6%	196	13	183	183		24	
*	Các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp			9.399	9.399			100			100		100	100			
2	Trụ sở xã Chiềng Khoa	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	1082 24/10/2016	9.399	9.399			100		0%	100		100	100			
b	Điều chỉnh tăng			9.400	9.400	4.400	4.400	4.400	4.400	100%					283	4.683	
1	Trụ sở xã Tạ Bú, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1862 31/10/2019	9.400	9.400	4.400	4.400	4.400	4.400	100%					283	4.683	

Biểu số 03
BIỂU PHÂN BỐ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo		Khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Nhu cầu vốn còn thiếu hoàn thành dự án		Phương án phân bổ	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn thu từ đất NST		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nợ khối lượng hoàn thành		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP							
	TỔNG SỐ			2.719.062	1.407.656	2.115.273	61.457	2.329.298	568.251	252.800	116.847	
I	Các dự án phòng tránh thiên tai, sắp xếp ổn định dân cư			245.420	234.014	179.739	46.180	229.391	77.022	61.163	35.908	
a	Dự án hoàn thành quyết toán			169.433	158.027	151.941	44.480	184.026	33.188	28.308	24.308	
1	Bố trí, ổn định sắp xếp dân cư bản Hua Nặm, xã Nặm Păm	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1581 13/8/2017	27.130	27.130	24.987	3.787	25.987	946	946	946	
2	Bố trí, ổn định sắp xếp dân cư bản Huổi Liếng xã Nặm Păm	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1541 11/8/2017	14.530	14.530	10.801	2.501	13.242	2.441	2.441	2.441	
3	Bố trí, ổn định sắp xếp dân cư bản Hốc, xã Nặm Păm	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1544 11/8/2017	16.722	16.722	15.265	1.422	17.785	2.313	2.313	2.313	
4	Bố trí, ổn định sắp xếp dân cư bản Piêng - Huổi Sỏi - Nà Ten, xã Nặm Păm	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	392 22/3/2018	2.000	2.000	13.706	0	16.013	2.020	2.020	2.020	
5	Thanh thải dòng chảy suối Nặm Păm	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	353 07/3/2018	39.450	39.450	34.804	24.804	35.804	1.000	1.000	1.000	
6	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Sọc, xã Mường Bang	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	3990 31/12/2018	13.995	13.995	10.915	0	13.413	2.498	2.498	2.498	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo		Khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Nhu cầu vốn còn thiếu hoàn thành dự án		Phương án phân bổ	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn thu từ đất NST		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nợ khối lượng hoàn thành		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP							
7	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Trùng, bản Bang, xã Mường Bang	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	1479 15/7/2020	20.047	8.641	16.400	4.000	19.870	3.470	3.470	3.470	
8	Bố trí, ổn định sắp xếp dân cư Hua Nà - Chiềng Tè - Nà Nong - Nà Tong, xã Ít Ong	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	391 22/3/2018	2.120	2.120	9.998	0	10.886	888	888	888	
9	Thoát lũ tiểu khu 4 thị trấn Ít Ong	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1585 13/8/2017	9.880	9.880	8.867	5.367	9.500	633	633	633	
10	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Lọng Bong, xã Hua Trai, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	2226 18/10/2017	3.880	3.880	2.600	600	3.568	968	968	968	
11	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, lũ ống lũ quét bản Khoai Lang, xã Mường Thái, huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	954 25/7/2019	14.480	14.480	3.600	2.000	12.828	10.880	6.000	2.000	
12	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường bản Nậm Mẩn (trung tâm xã) - bản Huổi Khoang, xã Nậm Mẩn, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	804 27/3/2019	1.500	1.500			1.476	1.476	1.476	1.476	
13	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường Trung tâm xã Đứa Mòn - Bản Ngam Trạng, xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	805 27/3/2019	2.000	2.000			1.969	1.969	1.969	1.969	
14	Khắc phục hậu quả mưa đường QL4G - bản Kỳ Ninh, xã Mường Sai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	806 27/3/2019	350	350			350	350	350	350	
15	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường Nà Hạ - Mường Hung (đoạn từ Km 11 đến Km 26), huyện Sông Mã (nay là đường Huổi Một - Mường Hung)	UBND huyện Sông Mã	802 27/3/2019	200	200			197	197	197	197	
16	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường Mường Cai, Mường Lạn, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	803 27/3/2019	300	300			295	295	295	295	
17	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường từ bản Pịn đến bản Nong Xô, xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	807 27/3/2019	350	350			347	347	347	347	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo		Khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Nhu cầu vốn còn thiếu hoàn thành dự án		Phương án phân bổ	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn thu từ đất NST		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nợ khối lượng hoàn thành		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP							
18	Khắc phục hậu quả mưa lũ đường từ bản Mạ Mầu, đến bản Háng Xía, xã Pú Bấu, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	808 27/3/2019	500	500			497	497	497	497	
b	Dự án đang triển khai thực hiện			75.986	75.986	27.797	1.700	45.365	43.833	32.854	11.600	
1	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Un, xã Song Khùa	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	196 12/3/2018	9.594	9.594	7.928	1.700	9.500	4.173	2.094	1.000	
2	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Lọng Bó, xã Chiềng Công, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1806 04/7/2019	12.680	12.680		0	499.5	12.680	3.780	1.900	
3	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Co Hó, bản Tàu Dầu, xã Song Khùa	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	251 03/4/2018	15.307	15.307	6.000	0	14.284	8.284	8.284	2.500	
4	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai tại sạt lở đất bản Nà Dạ, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	705 25/3/2019	7.000	7.000	1.000	0	2.500	6.000	6.000	2.000	
5	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại sạt lở đất lũ ống lũ quét bản Suối Kê, xã Nam Phong	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	784 03/4/2019	14.600	14.600	2.700		8.760	6.060	6.060	2.000	
6	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Pư Lai, xã Suối Bàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	1308 11/10/2018	16.806	16.806	10.169		9.821	6.636	6.636	2.200	
II	Dự án phát triển du lịch			80.103	80.103	23.800	12.000	23.800	65.870	49.800	5.000	
a	Dự án đang triển khai thực hiện			80.103	80.103	23.800	12.000	23.800	65.870	49.800	5.000	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông trục chính từ ngã ba chợ trung tâm thị trấn Mộc Châu đến Khu du lịch rừng thông bản Áng xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2561 31/10/2016	80.103	80.103	23.800	12.000	23.800	65.870	49.800	5.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo		Khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Nhu cầu vốn còn thiếu hoàn thành dự án		Phương án phân bổ	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn thu từ đất NST		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nợ khối lượng hoàn thành		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP							
III	Dự án giao thông			701.194	701.194	487.559	3.277	590.187	213.936	112.838	51.468	
a	Dự án đã phê duyệt quyết toán			197.970	197.970	176.505	-	187.550	11.045	6.621	6.621	
1	Đường Vạn Yên (Tân Phong) - Bắc Phong - Đá Đỏ, huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	2329 24/9/2018	184.912	184.912	164.555		175.044	10.489	6.065	6.065	
2	Đường từ Ngọc Chiến huyện Mường La đến Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	1560 17/7/2015	13.058	13.058	11.950		12.506	556	556	556	
b	Dự án hoàn thành			265.473	265.473	191.036	3.277	296.396	115.409	71.976	28.600	
1	Đường giao thông Sốp Cộp - Púng Bính	UBND huyện Sốp Cộp	2938 31/10/2010	122.978	122.978	87.444	0	112.697	25.253	25.253	7.700	
2	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sốp Cộp - cửa khẩu Lạnh Bính (Km 7 – Km 31)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	1019 25/5/2010	142.495	142.495	103.591	3.277	183.698	90.156	46.723	20.900	
c	Dự án đang triển khai thực hiện			237.751	237.751	120.018	0	106.241	87.482	34.241	16.247	
1	Đường từ Hát Lót - Chiềng Ve - Quốc lộ 4G - Chiềng Dong, huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2465 20/10/2016	80.078	80.078	46.000		56.402	34.078	10.402	6.247	
2	Đường từ trung tâm xã Mường Lạn - Nà Khi - Nà Vạc, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	712 25/3/2016	80.090	80.090	36.000		49.839	13.839	13.839	2.600	
3	Hệ thống đường nội bộ Trung tâm Hành chính huyện Vân Hồ	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Vân Hồ, Sơn La	329 10/5/2016	77.583	77.583	38.018			39.565	10.000	7.400	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo		Khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Nhu cầu vốn còn thiếu hoàn thành dự án		Phương án phân bổ	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn thu từ đất NST		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nợ khối lượng hoàn thành		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP							
IV	Thể thao, thông tin truyền thông			136.499	136.499	124.176		135.599	11.423	11.423	6.471	
a	Dự án hoàn thành			136.499	136.499	124.176	78.775	135.599	11.423	11.423	6.471	
1	Dự án tháo dỡ, vận chuyển và lắp đặt tháp truyền hình do Bộ Tài chính điều chỉnh cho tỉnh Sơn La	Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông	3028 19/12/2016	10.099	10.099	8.673		10.099	1.426	1.426	1.426	
2	Dự án Trung tâm Thể dục - Thể thao tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và Phát triển đô thị	1307 07/6/2019; 3128 30/12/2016	126.400	126.400	115.503	78.775	125.500	9.997	9.997	5.045	
V	Lĩnh vực khác			1.555.846	255.846	1.300.000	-	1.350.321	200.000	17.576	18.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Sơn La	Sở Y tế tỉnh Sơn La	2832 01/11/2017	1.500.000	200.000	1.300.000		1.317.576	200.000	17.576	10.000	
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Bệnh viện Đa khoa Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2737 25/10/2017	55.846	55.846			32.745			8.000	